

Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp - Tý/Tử *chút chuột (phần 10A)

Nguyễn Cung Thông
nguyencungthong@yahoo.com

Vào ngày 7 tháng 7 năm 2009, một số cô gái Việt Nam bị bắt vì có những hoạt động trái phép (như thoát y trước khi được 'môi giới hôn nhân' cho các đàn ông Hàn quốc). Điều đáng ghi nhận từ sự cố trên là các cô gái được xem mắt đều có trình độ học vấn thấp và

'... Tuy nhiên, theo các cô gái, nếu trúng tuyển họ chỉ được đối tượng môi giới trả 500 USD. Điều đáng buồn, nhiều cô gái khi được cán bộ lấy lời khai thậm chí còn không biết mình sinh năm nào, họ chỉ biết trả lời tuổi con gì trong 12 con giáp! Thậm chí có cô không biết tên thật của cha, mẹ mình!' hết trích - xem chi tiết trên nhiều trang mạng như <http://nld.com.vn/2009070703282134p0c1019/thoat-y-cho-dan-ong-han-quoc-xem-mat.htm> hay <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/325821/Moi-gioi-hon-nhan-trai-phep-cho-nguoi-nuoc-ngoai-Xu-ly-hinh-su-moi-du-suc-ran-de.html> ...v.v...

Ta có thể thấy ngay là cảm tính con nào (của năm mình sinh ra) rất quan trọng đối với người Việt Nam/VN, ngay cả khi không biết chữ (La Tinh hay Hán Nôm ...). Có người còn tin vào ảnh hưởng của con vật (của năm sinh) vào vận mạng đời sống tương lai của mình. Nhìn qua tên gọi các năm sinh từ một góc độ khác hơn, bài viết của GS TS Nguyễn Văn Lợi/NVL "*Câu chuyện: "MÃO: MÈO hay THỎ?" và sự tiếp xúc văn hoá, ngôn ngữ các dân tộc phương Đông"* (đăng vào khoảng tháng 3/2011) rất đáng chú ý - xem chi tiết toàn bài trang này http://www.vietlex.com/ngon-ngu-hoc/91-Cau_chuyen- MAO- MEO hay THO va su_tiep_xuc_van_hoa, ngon_ngu_cac_dan_toc_phuong_Dong . Vài nhận xét của NVL trong bài trên rất dễ gây ngộ nhận cũng như cho thấy ông không thấu đáo cách giải thích về khả năng nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp. Phần này chú trọng đến con giáp đầu tiên Tý/Tử 子 và các tương quan ngữ âm với chuột tiếng Việt. Một số dữ kiện đã được ghi nhận trước đây trong bài viết 'Nguồn gốc Việt Nam của tên 12 con giáp - Tý/Tử-*chút-chuột (phần 10)' đã đăng trên những trang mạng như <http://www.khoahoc.net/baivo/nguyencungthong/280208-muoihaicongiap-ty.htm> hay bạn đọc nên xem bài trên (phần 10) trước khi đọc phần 10A (bài viết này) cho liên tục.

Có lẽ nên nhắc lại loạt bài viết về 12 con giáp đã đăng lên các mạng toàn cầu như sau

- các bài số 1, 2, 3 giới thiệu tổng quát về nguồn gốc VN của tên 12 con giáp
- các bài số 4, 4A, 4B viết về chi Mão Mèo mèo
- bài số 5 viết về chi Hợi gỏi *kui cú (heo/lợn)¹
- bài số 6 viết về chi Thân *khôn khộn (khỉ)

- bài số 7 viết về chi Ty rắn
- bài số 8 viết về chi Thìn/Thần long-rồng
- bài số 9 viết về chi Dần *kính kễnh
- các bài số 10, 10A viết về Tý chút *chuột chuột
- các bài 11, 11A viết về chi Sửu *tlu/klu tru trâu²
- bài số 12 viết về chi Tuất *chuak *sio chó
- bài số 13 viết về chi Ngọ *ngự ngựa
- bài số 14 viết về chi Dậu *roga gà
- các bài số 15, 15A viết về chi Mùi Vị *mjei dê

Các bài viết riêng với các chủ đề khác (cũng đánh số từ 1 đến 15 như trên):

- Tại sao Nhật, Hàn, Ấnô ... không đặt vấn đề với nguồn gốc tên 12 con giáp? (phần 1)
- Ngru là trâu hay bò?

Như vậy là có ít nhất 22 bài viết khác nhau về cùng một chủ đề - nhớ rằng các bài đánh số 4A, 4B ... là các bài viết riêng (cập nhật) và tiếp theo bài 4 (bài đầu tiên), cũng như các bài 10A hay 15A ...v.v... Đây là không kể các bài viết nhỏ hay các bài phát ra, phỏng vấn (ở Melbourne/Úc hay California/Mỹ) và trao đổi trên các diễn đàn từ năm 2000 - như diễn đàn Viện Việt Học, Quách Hiền, Nguyễn Phúc Anh, đài phát thanh BBC Tiếng Việt ... Và không kể các bài viết đưa ra các vết tích của tiếng Việt (cổ) trong tiếng Hán (cổ) hỗ trợ cho khả năng nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp

- Vết tích liên hệ long-rồng và sông qua ngôn ngữ (phần 1)
- Tàn mạn về danh từ 'cá sấu' : vết tích phương Nam trong tiếng Hán (phần 1)
- Tàn mạn về danh từ trà (chè) (phần 1)
- loạt bài "Bụt hay Phật"
- ...v.v...

Sau khi xem qua hình ảnh tổng quát về các từ HV (Hán Việt) hay VH (Việt Hán) trong ngôn ngữ, trở lại chủ đề này và hãy xem lại các cách đọc (phiên thiết) của chữ 子

- a) tức lý thiết 卽里切 (Đường Vận/ĐV), tổ tự thiết 祖似切 (Tập Vận/TV) âm tử 音梓
- b) tài tứ thiết 才四切 (Chính Tự Thông)
- c) tử đức thiết 子德切 âm tắc 音則 (Khang Hy)

(không thấy phiên là tức di thiết 卽移切 hay tương chi thiết 將支切 - đọc là tý/tí như 訾)

Thành ra không phải ngẫu nhiên mà âm 'Hán Việt' lại dùng âm Tý (một *tý/tí* - một chút so với *chuột) mà không thấy dùng âm Tử³ 子 cho tên 12 con giáp (tự điển Việt Bò La/1651) cũng như cách gọi 'ông Tý' là 'ông chuột' (Đại Nam Quốc Âm Tự Vị/1896). So với chữ 梓 lại đọc là tử chứ không theo cách phiên thiết hay là tức lý thiết 卽里切/ĐV hay tổ sĩ thiết 祖士切/Vận Hội có âm tử/tì 籽 (hay 籽).

1. Bàn thêm về thành phần hài thanh Tý/Tử 子

Ngoài các liên hệ như tỷ 姊 (chị), tự 寺(chùa), thì thời 時 chừ (giọng Huế), các âm tốt/thốt 卒 hay thúc 倏 so với chọt ...v.v... đều chứng tỏ liên hệ ngữ âm t-ch rất rõ nét như đã nêu ra trong bài "Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp - Tý Tử chút *chuột chuột (phần 10)"; ta còn có thể nhận ra tương quan ngữ âm t-ch qua các dữ kiện sau đây.

1.1 Tiếng kêu chiêm chíp, chút chút 吁吁 (từ láy)

Một chữ hiêm trong vốn từ Hán cổ là tử 吁 theo Tập Vận⁴

Chữ tử 吁 viết bằng bộ khẩu 口 hợp với chữ Tý 子 theo Tập Vận/TV chỉ tiếng kêu của chim (tiếng Việt còn dùng âm chú chít, chiêm chíp ... đây là các tiếng tượng thanh hay nhái theo tiếng chuột hay chim kêu)

【集韻】祖似切，音子。吁吁，鳥聲

【Tập Vận】tổ tự thiết, âm tử. *chit chit, điều thanh

Không thấy loài chim nào lại hót với âm ‘tý tý’ hay ‘tử tử’ - so với chiêm chíp, chút chút, chú chít - cũng như âm thanh phát ra từ loài chuột, khối lượng nhỏ như loài chim nên thường phát ra các âm có tần số cao⁵. Tiếng chim kêu là chiệp (tiếng Môn), k-chiệp (Khme), chíp chíp ... ch-chim ch-chíp (Thái), chiep chiep (Lào), kchiep kchiep (Mã Lai) ...v.v...

Ngoài liên hệ đến chút chút (tiếng kêu của loài chuột, chim, gà ...), thành phần hài thanh tử 子 còn liên hệ đến huyết thống (gia đình) - rất khác với tiếng Hán tôn 孫 hay tử tôn 子孫, tăng tôn 曾孫, huyền tôn 玄孫 (cháu chít, cháu chắt) so với tăng tổ (曾祖, ông cố - ba đời) ...

chắt (con của cháu, ba đời - tăng tôn)

chít (con của chắt, bốn đời - huyền tôn)

chút (con của chít, năm đời) (Việt Nam tự điển⁶, 1956)

...

'Chít, nhỏ chút: nhỏ bé, chát chút chút : cháu đời thứ bốn

...

Chút chút, cháu chát, chút chút: cháu chắt' (tự điển Việt Bò La)

Rõ ràng khái niệm huyết thống và âm thanh (phụ âm đầu ch-) đã từng hiện diện trong tiếng Việt mà tiếng Hán chỉ có ký âm là tử 子 : mấu chốt của các tương quan này là chính là phạm trù nghĩa của các âm *chút/chít* hàm ý nhỏ hay ít. So với các ngôn ngữ láng giềng, tiếng Môn: con chút con chik; tiếng Thái chuôt, trutx, xuôt hay jéet จீด (rất nhỏ) ... đều gợi ý nhỏ nhoi, tý ty (tí ti). Các cách dùng cháu chắt chít chút (tiếng Việt, Môn, Khme ...) như đã ghi nhận phù hợp với kết quả nghiên cứu trước đây của tác giả Paul K. Benedict⁷;

ông đã từng so sánh các ngôn ngữ ở Đông Nam Á và kết luận rằng tiếng Hán đã nhập vào một số từ về liên hệ (tổ chức) gia đình, cũng như hệ thống xã hội và chính trị của người Trung Quốc cổ đại đã bị ảnh hưởng và thay đổi rất nhiều khi tiếp xúc với các dân tộc từ phương Nam (Benedict đề nghị dùng danh từ riêng Austro-Thai-x hay AT-x để chỉ ngôn ngữ phương Nam 'nguyên thủy' đã từng hiện diện này). Trong bài viết gần đây hơn "Austroasiatic loanwords into Sino-Tibetan" - xem chi tiết trang này <http://sealang2.net/archives/mks/pdf/18-19:1-13.pdf>, Benedict ghi nhận các tương quan về danh từ chỉ cha mẹ giữa tiếng tiền-Waic (proto-Waic), tiếng tiền Miến-Tạng (proto Tibeto-Burman) và tiếng tiền Hán-Tạng (proto Sino-Tibetan) và đề nghị thêm một cách giải thích qua khả năng hiện tượng vùng (areal features).

Tương quan tử (tý) và chú chít (tiếng kêu) còn vết tích trong cách dùng *chi chi 吱吱 chỉ lên tiếng (kêu lên) hay *chiu chiu 啾啾 (thu thu HV jiū jiū BK) thường gặp hơn, như hiện diện trong tự điển HV của Thiều Chửu chẳng hạn. Tương quan t-ch của tý tử - *chú chít không chỉ có mặt trong tiếng Việt, nhưng còn để lại dấu ấn trong các ngôn ngữ miền Nam TQ, như giọng Mân Việt 閩南語: đọc tý tử giống như chi2 chu2 - xem các giọng đọc tý tử trang này <http://tool.httpcn.com/Html/Zi/24/PWKOKOMETBUYBUYAZ.shtml>, hay qua cách phiên thiết. Thường thì âm chi 之 dùng để phiên phụ âm mặt lưỡi tắc (vô thanh) ch-, như châm 針 (cái/ cây kim, kim là âm cổ còn duy trì trong tiếng Việt) đọc là

【廣韻】之林切

[Quảng Vận] chi lâm thiết (đọc là châm - âm châm 音斟)

Dựa vào một số cách phiên thiết trung cổ như trên, ta có cơ sở phục nguyên một cách đọc cổ hơn của Tử/Tý 子

1.2 Chớp 瞇 tập HV (chớp mắt, nháy mắt)

Chữ hiếm 瞇 có các cách đọc trung cổ như sau

【廣韻】子入切 【集韻】卽入切

[Quảng Vận] tử nhập thiết [Tập Vận] tức nhập thiết - đọc là tập HV so với các dạng chớp/chớp/chập/chấp trong khẩu ngữ.

Đề ý âm tử 子 được dùng để chỉ chớp (mắt), phản ánh qua giọng Quảng Đông của âm này là cap1 caap1 zap6 (so với giọng BK là zí, jí). Tiếng Hán thường dùng chữ trát 眨 để chỉ chớp (mắt) hơn.

1.3 Chữ tiếp 楫 (mái chèo), theo Thuyết Văn Giải Tự (biên hiệu 3769)

楫, [子葉切], 舟櫂也。從木聃聲

Tiếp [từ diệp thiết] chu trạo dã . tùng mộc *chập/tập thanh

【集韻】側立切，音戢。聚也

【Tập Vận】 trác lập thiết, âm tập. Tụ đã

Một nghĩa của tiếp là tụ tập (chập lại, cháp, chộp ...) - đây là vết tích của tương quan phụ âm đầu t- (tử, dùng trong cách phiên thiết tử diệp thiết) và phụ âm ch- (chập).

1.4 Chữ tức 鯽 là cá nóc, cá diếc ...

Tức HV so với jì, jí BK - giọng Hẹ là tsit7 tsit8, giọng Mân Nam là chit1 - cũng là loài cá chép. Cá chép thường được biết là lý hay lý ngư 鯉 魚; hãy so sánh cách phiên thiết phụ âm đầu của âm trung cổ tức 鯽

【廣韻】子力切 【集韻】節力切

[Quảng Vận] tử lực thiết [Tập Vận] tiết lực thiết

Đây cũng là một dữ kiện cho thấy liên hệ của phụ âm đầu t- (tử) và ch- (chép).

1.5 Chữ xiệp/tiếp 噍

Theo các thư tịch TQ thì xiệp/tiếp có thể đọc như

【音義】噍，子答反

[Âm Nghĩa] xiệp, tử đáp phản

【集韻】所答切，音霎。又子洽切，音眨

[Tập Vận] sở đáp thiết, âm siệp. Hựu tử hiệp thiết, âm trát - nhắc lại: trát có nghĩa là chớp (nháy, chộp mắt).

Tiếng Việt còn duy trì các dạng cổ hơn là chép (miệng, môi), bép xép ... đều hàm ý nói nhiều (đa ngôn mạo 多言貌). So với các từ chắc, chặc (lưỡi), hay chùn chụt (hôn chùn chụt, bú chùn chụt ...); đây là các từ nhái lại hoạt động của môi khi nói chuyện (tượng thanh cũng như tượng hình).

Từ láy toàn phần *xiệp xiệp* diễn tả tiếng kêu (tần số cao) của côn trùng

〔噍噍〕：蟲鳴聲

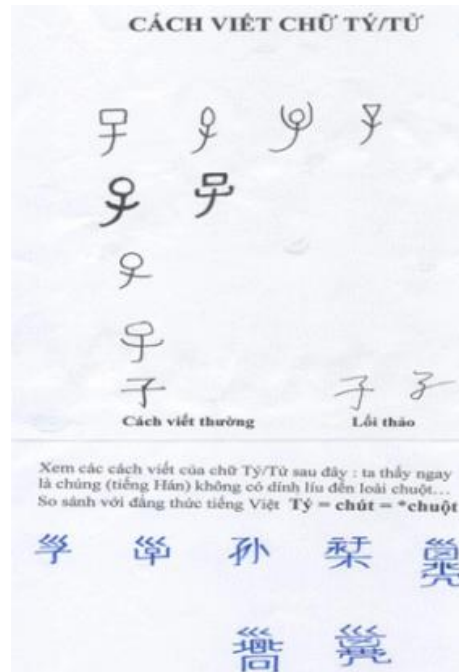
〔xiệp xiệp〕：trùng minh thanh

Trích từ trang <http://tool.httpcn.com/Html/Zi/22/PWCQXVILCQUYUYUYCQ.shtml>

2. Tử 子 trong văn hoá Hán ám chỉ loài nào?

Từ giáp văn, kim văn và chữ triện, ta có thể nhận ra nguồn gốc của chữ tử là hình đĩa bé với cái đầu khá lớn, chẳng liên hệ gì đến loài chuột và tính chất tổng quát nhỏ nhoi (chút,

tý); như vậy là chữ tử 子 có nguồn gốc liên hệ đến loài người (không phải thảo mộc hay loài vật nào cả); xem chi tiết ở bảng tóm tắt trang sau

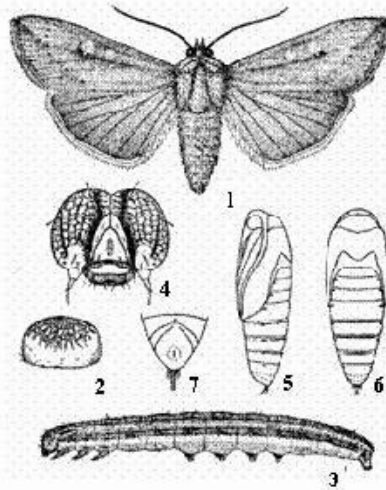


Xem các bộ thủ như bộ thủ (chuột), khuyên, trĩ, thỉ ... không thấy trường hợp nào dùng chữ tử để tạo chữ mới, nhưng bộ trùng thì có thể kết hợp với chữ tử thành chữ tử 𧈧 (là chữ hiếm, tần số dùng là 40 trên 65348624):

【唐韻】卽里切 【集韻】祖似切，音子。𧈧𧈧，蟲名。害稼

【Đường Vận】 tức lý thiết 【Tập Vận】 tổ tự thiết, âm tử. tử phương, trùng danh.
Hại giá

Tử (phương) là loại sâu ăn hại mùa màng cũng như loài chuột vậy. Tuy nhiên, tử (phương) là loài sâu Mythimna separata khác xa loài chuột với quá trình biến thái hoàn toàn như sau - trích từ trang <http://www.hudong.com/wiki/%E7%B2%98%E8%99%AB>



Nếu tử đã từng chỉ loài chuột hay một loài tương tự như vậy, ta có cơ sở để lý giải về nguồn gốc ‘phương Bắc’ của âm và nghĩa của tử một cách tương thích. Nhưng tình hình lại khác hẳn, tử (âm trung cổ - ít nhất là từ thời Đường Vận hay khoảng 751 SCN) chỉ loài sâu bọ, dẫn đến một kết quả là khả năng ký âm của tử hay tý cho âm *chut/chuot của một tiếng nước ngoài nhập vào tiếng Hán cổ điển; tiếng ngoại quốc ấy có thể chính là tiếng Việt (cổ) của phương Nam dựa trên các tương quan ngữ âm đã được nêu ra.

3. Âm ‘chuột’ qua các thư tịch Hán Nôm

3.1 Chuột được ghi âm là 卓 trác HV trong An Nam Dịch Ngữ⁷, so sánh với các cách đọc trung cổ của chữ trác

【唐韻】竹角切 【集韻】側角切, 音涿

【Đường Vận】 trác giác thiết 【Tập Vận】 trác giác thiết, âm trác

Âm trác phù hợp với âm *chuật* (chuột, tự điển Việt Bồ La), so với chữ Nôm dùng truật 狷 (chữ này rất hiếm) với các cách đọc như sau

【廣韻】丑律切 【集韻】敕律切, 音黜

【Quảng Vận】 sửu luật thiết 【Tập Vận】 sắc luật thiết, âm truất.

Chữ truất 狷 còn cách viết khác là 跬; đã từng được ghi nhận trong Thuyết Văn Giải Tự, Ngọc Thiên, Long Kham Thủ Giám ...

3.2 Chức 𪛗 là sóc hay chuột?

Chữ hiếm **chước** 𪛗, thường được giải thích trong các tài liệu TQ (Khang Hy, Hán Ngữ Đại Tự Điển) là loài sóc (squirrel), đã có mặt ít nhất trong Thuyết Văn Giải Tự, biên hiệu 6372, chỉ một loài chuột

𪛗, [之若切], 鬣地風鼠。從鼠勺聲。

𪛗, [chi nhược thiết], hò địa phong thử. Tùng thử chươc thanh.

Quảng Vận/QV còn ghi lại là **chươc** thuộc loài chuột (thử thuộc 鼠屬, thử danh 鼠名-hay bay 能飛 năng phi - so sánh với truất 狺 bên trên), nhưng nhỏ hơn (tựa thử nhi tiểu dã 似鼠而小也). QV còn ghi một cách đọc khác của chươc là

tứ lược thiết 卽略切 - so với cách đọc

tứ ước thiết 卽約切 âm tước 音爵 (TV)

Rõ ràng nói lên liên hệ của phụ âm t- (tước, tử) và ch- (chươc, chuột). Nguyên âm -ươ của thành phần hài thanh chươc 勺 có một biến âm là -uô như chữ dược 藥 đọc là dĩ chươc thiết 以灼切/ĐV hay đặc ước thiết 弋約切/Vận Hội: tiếng Việt bây giờ đọc là thuốc (*thuôt); so với chươc 𪛗 và chuột. Một điểm đáng chú ý ở đây là chươc còn có thể đọc là báo: ba giáo thiết, âm báo 巴校切, 音豹 (TV). Một âm báo (beo) để chỉ hai loài vật (chuột và beo) phản ánh phần nào trường hợp hợp một âm ngoại quốc đã nhập vào tiếng Hán và tạo ra sự trùng hợp hi hữu này. Chươc còn có thể viết bằng bộ khuyển hợp với chữ chươc 狽 (chữ hiếm) nghĩa cổ là báo (con beo). Không những cùng bộ gặm nhấm (Rodentia), **chươc** (loài chuột) còn có liên hệ ngữ âm đến **sóc** qua tương quan ch-s/x (chung quanh - xung quanh, chèo - xéo, chẻ - xẻ ...); điều này phù hợp với cách dịch sóc là *tông thử* 鬆鼠 (chuột có nhiều lông) trong vốn từ Hán hiện nay; sóc bay (flying squirrel - thuộc tông Pteromyini) còn được gọi là *ngô thử*, *phi thử* 鼯鼠, 飛鼠 (chuột bay). Tiếng Nhật cũng dùng các từ *lật thử*, *mộc thử* 栗鼠, 木鼠 hay risu リス để chỉ loài chồn. Tiếng Việt còn dùng tổ hợp *chuột sóc* hay *sóc chuột* cho vài họ thuộc bộ gặm nhấm này - xem thêm chi tiết trang dưới. Sóc là prok (tiếng Khme), Prok (Bahna, Rongao, Chă), prò (Koho, GiaRai) - so với *pơ-rau (tiền Bahna, Mường de Uý Lộ) và sáu (Việt).



Sóc đuôi trắng - trích trang

http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_G%E1%BA%B7m_nh%E1%BA%A5m
(khó phân biệt được loài sóc này và chuột - nhất là nhìn từ xa hay khi chúng đang di động)

3.3 Chữ hiếm *chươc/chat 𧮗 là chuột?

Trích Ngọc Thiên (khoảng 543 SCN), chữ hiếm 𧮗 có nghĩa là chuột có tần số dùng là 11 trên 171894734 có một âm đọc là

【玉篇】九勿切。鼠也

【Ngọc Thiên】 cửu vật thiết. Thử dã.

1. Cách đọc cửu vật thiết (*kât, quât, khuât, *chuat/truat/xuat) còn là cách phiên âm các chữ 𧮗 (chữ hiếm nghĩa là chạy đi/tẩu 走), khuât 屈 - để ý phụ âm k- của cửu tương ứng với ch- ngạc hoá như căn gian, keo giao, kéo giáo, kẹp giáp ... xem thêm chi tiết trao đổi trên diễn đàn Viện Việt Học trang [VVH - Forum :: Tiếng Việt :: căn - gian](http://www.viet-hoc.com/forum/threads/tieng-viet-can-gian)

𧮗, [瞿勿切], 走也。從走出聲 (TVGT biên hiệu 1040)

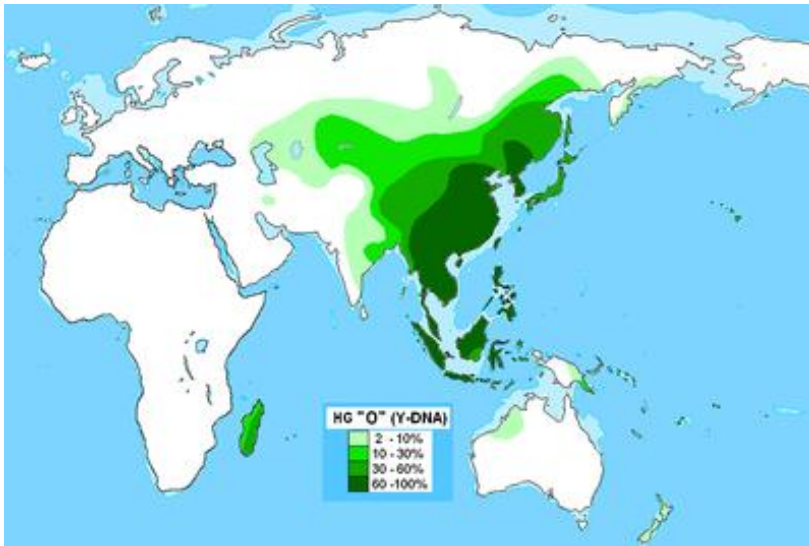
*chuat/truât/xuât, [cù vật thiết], tẩu dã。Tùng tẩu xuất thanh

Các dị thể của chữ 𧮗 *chuat/truat trên rất đáng chú ý vì có dạng dùng chữ tử 子 làm thành phần hài thanh, trích từ trang <http://dict.variants.moe.edu.tw/yitic/frc/frc13711.htm>

𧮗 𧮗 𧮗 𧮗 𧮗

Một kết luận cho phần 10 (bài đăng trước đây) và phần 10A (bài này): ta có cơ sở thành lập tương quan ngữ âm giữa Tý Tử và chít *chuột, không những thế tiếng Việt còn duy trì nhiều liên hệ như huyết thống cũng như các vết tích Hán cổ hỗ trợ cho khả năng Tý tử 子 là một dạng ký âm của một tiếng nước ngoài, và dĩ nhiên người Hán không hiểu Tý

Tử từng là tên gọi loài chuột khi nhập vào tiếng Hán cổ. Theo tác giả William G. Boltz⁹ thì một dạng âm cổ phục nguyên của Tý Tử là *tsjəŋx hay rất gần với âm *chokh (chợ) tiếng Việt hiện đại. Tiếng Thái cũng dùng âm chuat để chỉ chi đầu tiên, nhưng lại gọi con chuột là nỏ (hay nru) นູ cho thấy âm chuat này mượn từ tiếng Việt. Tiếng Khme¹⁰ cũng dùng dạng *ju:t (chuột) để chỉ chi Tý Tử và chuột, nhưng lại không thấy dùng trong quan hệ huyết thống (cháu, chất, chít, chít¹¹) không như tiếng Môn (chắc là chất) và dạng tuch (Khme) là chít. Khả năng nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp phản ánh quá trình giao lưu (cho qua cho lại) linh hoạt của các dân tộc cổ đại (Bách Việt) đã từng sống gần nhau ở phía Nam Trường Giang thời Tiên Tần. Điều này còn thấy trong nhiều di chỉ từ phương Nam và ngay cả từ Tây Á và Phi Châu được khai quật từ lăng mộ Triệu Văn Đế ở Quảng Châu¹². Đây là một đề tài khác rất lý thú và cần được nghiên cứu cẩn thận dựa vào các dữ kiện khảo cổ, lịch sử (văn bản và truyền thuyết), ngôn ngữ và sinh vật học: như nghiên cứu về di truyền học cũng cho thấy quá trình giao lưu văn hoá cổ đại rất có thể đã xảy ra mà tên gọi 12 con giáp là một kết quả tự nhiên mà thôi - xem bảng so sánh đánh dấu di truyền (genetic marker) Y-chromosome phân dưới



Phân bố nhóm haplogroup O (Y DNA) ở Á Châu - trích trang http://en.wikipedia.org/wiki/Austro-Tai_peoples#cite_note-13 (tóm lược từ các bài viết của Jerold Edmondson và Shi Hong et al¹³)

Do đó, không nên chỉ dựa vào một dữ kiện '... Chẳng hạn, để chứng minh tên gọi Tý chính là «chuột», tác giả lập luận: Trong tiếng Việt từ tí (trong câu: Nghi một tí) và từ chít (trong câu: Nghi một chít) là hai từ đồng nghĩa. Thời cổ đại (khi tiếng Việt chưa có 6 thanh điệu như ngày nay) chít và chuột có cách phát âm giống nhau, như vậy Tý chính là Chuột...' (NVL, bài viết đã dẫn bên trên) để cho rằng lập luận trên không có cơ sở mà không xem kỹ các dữ kiện khác - thật ra chỉ có tiếng Việt mới có hiện tượng 'cho tôi một tý/ tí' hay 'cho tôi một chít' và 'chít là cháu năm đời', chính vì vậy mà người viết thường nêu ra hiện tượng ngôn ngữ này (rất dễ nhớ) như một **khởi điểm** cho hàng loạt các dữ kiện tương tự dẫn đến kết luận "nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp".

4. Phụ chú và phê bình thêm

Để dễ nhìn thấy vấn đề đặt ra, bạn đọc nên xem thêm các bài viết về "Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp" trên các trang mạng như <http://www.khoahoc.net/baivo/nguyencungthong/150606-muoihaicongiap-2.htm> hay bảng so sánh tên gọi 12 con giáp trong các ngôn ngữ Đông Nam Á trong bài viết số 2 (phần 2) <http://www.dunglac.org/index.php?m=module2&id=81> v.v...

1) Bài "Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp - Hội gỏi *kui cú (heo/lợn) (phần 5)" trình bày tại Hội Thảo quốc tế về tiếng Việt tại Viện Việt Học (California, Hoa Kỳ, 2006)

2) Bài "Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp - Sừu *tlu/klu tru trâu (phần 11)" trình bày tại Hội Thảo quốc tế Việt Nam Học kỳ 3 tại Hà Nội (12/2008)

3) Có thể khi nhập (ngược) vào tiếng Việt, năm Tử hay giờ Tử còn có thể mang nghĩa ngược lại với năm hay giờ sinh: Tử có thể là chết 死 viết bằng bộ ngạt; do đó người Việt dùng âm Tý/tí để phân biệt với Tử chẳng? Tuy nhiên, nghĩa của Tý/tí lại trùng hợp với các âm chút và chuột khiến ta phải đặt lại vấn đề. Tương tự như trường hợp của chi Mùi, âm Mùi là dạng cổ hơn của Vị (vô phí thiết 無沸切/ĐV/TV âm vị 音味), tiếng Việt không thấy ai dùng dạng Vị cả! Chính tiếng Việt còn duy trì các âm cỏ (Mẹo Mão so với mèo, Mùi so với Vị dê, Tý chút so với chuột ...) và do đó ta cần phải đặt lại vấn đề về nguồn gốc thật sự tên gọi 12 con giáp, thay vì tin tưởng (theo truyền thống) vào nguồn gốc từ phương Bắc một cách mù quáng từ đời này qua đời kia.

4) không những đã hiện diện trong Tập Vận (1067), chữ tử 呬 đã có mặt trong Long Kham Thủ Giám 龍龕手鑑 (LKTG) hoàn tất vào năm 997 bởi nhà sư Hành Quân 行均. Tên nguyên thủy là Long Kham Thủ Kính 龍龕手鏡 nhưng vì ty hụy của ông nội vua Tống Thái Tổ (tên là Kính 敬, đồng âm với 鏡) nên đổi thành Giám. Tài liệu này còn xếp khoảng trên 26000 chữ (đa số là dị thể) thành các nhóm chữ chính 正 tục 俗 hiện hành (kim 今), xưa (cổ 古) và dùng tương đương (或作 hoặc tác); ngoài phiên thiết các âm LKTG còn có rất nhiều tục tự trong cuốn Âm Nghĩa Thư 音義書 này - nhờ đó mà một số học giả có thể giải mã các trường hợp chữ hiếm từ các tài liệu khai quật ở Đôn Hoàng 敦煌 - một thành phố và trạm dừng chân lớn trong thời kỳ vàng son của con đường tơ lụa huyền thoại.



Một trang của **Long Kham Thủ Giám**

Từ 呬 còn có nghĩa là rên siết, đọc là tư tất thiết 資悉切 (LKTG), cùng nghĩa với từ 唧 (rên ri).

5) tiếng chuột kêu là chuuchu (Nhật), ccik-ccik (Hàn), cyik-cyik (Thổ Nhĩ Kỳ), chít chít (Việt), cit-cit (Indônêsián) ... Tiếng chim kêu là chúu chúu, chít chít (Việt) so với tiếng Anh dùng các động từ như chirp, chat, chatter, chitter ... ngay cả con gà còn gọi là chick(en), tiếng lóng là chook. Bạn đọc có thể xem thêm bảng tóm tắt các âm thanh phát ra từ các loài chim (nhỏ, lớn) hay chuột, mèo, hổ ... trang này <http://www.eleceng.adelaide.edu.au/personal/dabbott/animal.html>

6) nhưng theo 'Đại Nam Quốc Âm Tự Vị' (1895) thì P. Của cho rằng chúu là cháu bốn đời, cũng như theo Gustave Hue (1937) trong 'Dictionnaire vietnamien chinois francais' ghi chúu là '*petit-fils de la quatrième génération*'. Nếu xem chú (chú em, chú rể, chú mày so với em của bố/bà) đại diện cho thế hệ thứ hai, thì các từ **cha chú cháu chắt chít chúu** tạo thành một chuỗi tên gọi họ hàng đáng chú ý trong tiếng Việt. Về các danh từ (hay đại danh từ) chỉ quan hệ thân thích (bà con), ta nên phân biệt một lớp từ Hán Việt khác liên quan đến gốc Hán Tạng như

chú thúc HV 叔
bác bá HV 伯
cậu cữu HV 舅
...

Đây là một chủ đề thú vị (kinship terms/tên gọi họ hàng) và nên được tra cứu chi tiết thêm, nhưng không nằm trong phạm vi bài viết này.

7) theo cuốn "Austro-Thai, Language and Culture, with a glossary of roots" viết bởi nhà ngữ học người Mỹ Paul K. Benedict - NXB New Haven (1975). Benedict là một trong những học giả Tây phương nổi tiếng vì đặt lại vấn đề và đưa ra các dữ kiện ngôn ngữ cho thấy ảnh hưởng của phương Nam vào văn hoá ngôn ngữ TQ cổ đại, như nguồn gốc của tên 12 con giáp là từ phương Nam chứ không phải từ phương Bắc hay của người Hán

(hiện tượng mượn lại/back loan). Năm 1976, Jerry Norman và Mei Tsu-lin xác nhận thêm một lớp từ trong tiếng Hán có gốc Nam Á - xem bài "The Austroasiatics in Ancient South China: Some Lexical Evidence"; thí dụ như giang 江 là mượn của phương Nam (Nam Á/Austroasiatic) với dạng âm cổ là *krong hay *krung, và nơi giao lưu văn hoá khi tộc Hán di thiên và gặp các dân tộc phương Nam ở khu vực Hồ Bắc (湖北) - khoảng 1000 TCN tới 500 TCN, nhưng còn có thể trước đó nữa vào thời nhà Thương ... Thật ra, tiếng Việt còn duy trì một số âm cổ thuộc dạng *krong với phụ âm r nhược hoá như

扛, [古雙切], 橫關對舉也。從手工聲 (biên hiệu 7922, Thuyết Văn Giải Tự)
Giang, [cổ song thiết], hoành quan đối cử dã. Tùng thủ công thanh

Tiếng Việt còn giữ các dạng âm cổ là KHIÊNG, GÁNH, GÔNG (phụ âm đầu là phụ âm cuối lưỡi) so với dạng ngạc hoá giang và dạng xát hóa sông

杠, [古雙切], 牀前橫木也。从木工聲 (biên hiệu 3656, Thuyết Văn Giải Tự)
Giang [cổ song thiết] sàng tiền hoành mộc dã. Tùng mộc công thanh

Tiếng Việt còn giữ một dạng âm cổ là (cái) CÁN (phụ âm đầu là phụ âm cuối lưỡi vô thanh tắc k) so với kán (tiếng Thái, Lào), cản (Nùng)...

Một nhận xét lạc quan và đáng thêm vào ở đây là các học giả TQ bắt đầu nhìn lại vấn đề nguồn gốc phương Nam một cách khách quan và thuận lợi hơn, phản ánh qua những tài liệu gần đây trên mạng - trích trang <http://www.zdic.net/zd/zi/ZdicE6ZdicB1Zdic9F.htm>

南方的河流多称“江”,如:“珠江”、“沅江”;北方的河流多称“河”,如:“洛河”、“渭河”、“漳河”

Nam phương đích hà lưu đa xưng “giang”, như: “Châu giang”、“Nguyên giang”;
Bắc phương đích hà lưu đa xưng “hà”, như: “Lạc hà”、“Vị hà”、“Chương hà”

8) "An Nam Dịch Ngữ" Vương Lộc giới thiệu và chú giải - NXB Đà Nẵng, Trung Tâm Từ Điển Học (Hà Nội, Đà Nẵng 1995)

9) theo bài viết "The Old Chinese Terrestrial Rames in Saek" của GS William G. Boltz (Đại Học Washington), đăng trong cuốn "Studies in the Historical Phonology of Asian Languages" thuộc bộ 'Current Issues in Linguistics Theory' - chủ biên William G. Boltz và Michael Shapiro, NXB John Benjamins - trang 53-67.

10) xem chi tiết về âm Khme cổ (khmer ancien) trong bài "Le cycle des douze animaux: histoire d'un contact ancien entre Vietnam et Cambodge" của tác giả Michel Ferlus - đăng trong hội thảo về Ngôn Ngữ Học 'The Sixth International Symposium on Pan-Asiatic Linguistics' (25-26/11 năm 2004, Hà Nội).

11) liên hệ giữa nguyên âm u- (chút) và uô- (*chuốt-chuột) rất dễ nhận ra khi so sánh các cách đọc sau

thuộc 屬 thành phần hài thanh là thực 蜀 - chi dục thiết 之慾切 QV/TV

chuông 鐘 chung HV (thành phần HT là đồng hay *đung) - chức dung thiết 職容切 ĐV

cuộc 局 cục HV

lược/luốc 綠 lục (sắc xanh biếc)

khung 框 khuông (khuôn)

khùng 狂 cuồng (cự vương thiết 巨王切/QV) hay còn đọc là cuống (cự phóng thiết 具放切/TV) - **phát cuồng** 發狂 là phát khùng, cuồng cuồng 狂狂 là cuống cuồng ...v.v...

thuộc 熟 thực - đọc là thị lục thiết (Ngọc Thiên) hay thù lục thiết (QV) 【玉篇】市六切 【廣韻】殊六切

chước 贖 thực - đọc là thần thực thiết 神蜀切/QV/TV như cách dùng **thực tội** 贖罪 ~ chước tội. Đề ý Thích Văn còn ghi nhận rằng thực có thể đọc là thụ 【釋文】贖，又音樹. Đây là một bằng chứng cho thấy trường hợp nhược hóa phụ âm cuối cũng như chuột và tử (phụ âm cuối vô thanh tắc k/t/p mất đi)

chước (rót rượu) 酬 thù - âm trù 音儔/TV

chuột *chụt chút

...v.v...

12) xem chi tiết bài viết về lăng mộ Triệu Văn Đế của tác giả Nguyễn Duy Chính trang <http://diendan.lyhocdongphuong.org.vn/bai-viet/12963-phat-hien-mo-trieu-da-nam-viet/> và các trao đổi trên diễn đàn Viện Việt Học trang <http://www.viethoc.org/phorum/read.php?15,29271,page=4> ...v.v...

13) xem chi tiết bài viết của Jerold A. Edmondson "The power of language over the past: Tai settlement and Tai linguistics in southern China and northern Vietnam" (2006) trang này <http://ling.uta.edu/~jerry/pol.pdf>